

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 251/2024/HS-ST

Ngày: 27-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Miện

Ông Nguyễn Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 281/TLST-HS ngày 13/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Phạm Minh H, sinh ngày: 09/10/1997, tại: Đồng Nai; nơi cư trú: số B, tổ E, khu phố H, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng S, sinh năm: 1973 và bà Phạm Thị Kim D, sinh năm: 1973; có vợ Lê Thị Thảo Q, sinh năm: 2006 (chưa đăng ký kết hôn) và 01 con sinh năm 2024; tiền án: 1. Tại Bản án số 301/2017/HS-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", 2. Tại Bản án số 91/2018/HSST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", ngày 17/01/2023 chấp hành xong hình phạt; tiền sự: không; đảng phái: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phạm Minh H là người sử dụng ma túy. Vào ngày 06/4/2024, H gặp một người bạn tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) tại quán B (H không nhớ tên) tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai xin một ít ma túy để sử dụng. Cùng ngày, H và vợ là chị Lê Thị Thảo Q (chưa đăng ký kết hôn) lên thành phố Đ du lịch, H mang theo gói ma túy trên với mục đích để sử dụng. Tại thành phố Đ, H và Q thuê khách sạn (H không nhớ tên, địa chỉ) tại đường N, thành phố Đ để ở. Đến khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, H và Q đi chơi. Khi đến đoạn đường H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thấy có Công an đang tuần tra, Hà sợ và bỏ chạy do có mang theo ma túy thì bị Công an khống chế và kiểm tra phát hiện H có mang theo gói ghi ma túy. Tại đây, H khai nhận toàn bộ hành vi trên.

Tại Kết luận giám định số 446/KL-KLHS ngày 10/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh L xác định: mẫu tinh thể (M) đựng một túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,1959g (một phẩy một chín năm chín gam), loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nylon được cuộn lại, bên trên có dán tờ giấy màu xanh ghi chữ 15K, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi xách màu đen xám bên trong không chứa gì.

Tại Bản cáo trạng số 281/CT-VKSĐL-LĐ ngày 11/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Lê Phạm Minh H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phạm Minh H khai nhận diễn biến vụ việc đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Lê Phạm Minh H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, Xử phạt bị cáo Lê Phạm Minh H từ đến 6 năm đến 7 năm tù. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nylon được cuộn lại, bên trên có dán tờ giấy màu xanh ghi chữ 15K, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; Hoàn trả cho bị cáo 01 túi xách màu đen xám.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật bị thu giữ, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định: do nghiện ma túy nên ngày 06/4/2024, H xin ma túy một người bạn tên H1 (không rõ nhân thân lai lịch) để sử dụng. Đến khoảng 22 giờ ngày 06/4/2024, khi đến đoạn đường H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, thấy Công an nên H bỏ chạy thì bị bắt quả tang hành vi tàng trữ ma túy. Tại Kết luận giám định số 446/KL-KLHS ngày 10/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: mẫu tinh thể (M) đựng một túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,1959g (một phẩy một chín năm chín gam), loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. Tại Bản án số 91/2018/HSST ngày 27/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã xác định bị cáo tái phạm, xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", bị cáo chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, vì vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ Luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo mức án

ng nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời đáp ứng được công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm ma túy.

Về hình phạt bổ sung: Đối với những loại tội phạm này, ngoài hình phạt chính, pháp luật còn quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, buôn bán nhỏ, thu nhập không ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên H1 là người cho bị cáo ma túy nên chưa có căn cứ để xử lý, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với khối lượng 1,1959g loại Methamphetamine. Qua giám định, xác định tang vật trên là chất ma túy loại Methamphetamine, đây là chất cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 túi xách màu đen xám tài sản của bị cáo nên hoàn trả cho bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Phạm Minh H phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Phạm Minh H 7 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/4/2024

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong số: 446/2024-PC09. Mặt trước phong bì ghi: Lê Phạm Minh H - 1997; HKTT: 2/51 tổ E, KP8, P. A, B, Đồng Nai. QĐTC: 1425/QĐ-ĐCSMT; 07/04/2024; Bao gói. Mặt sau có chữ ký, họ tên của: Ngô Văn N; Hoàng Thị Thanh H2; Võ Như T đóng dấu niêm phong tròn, đỏ của Phòng K Công an tỉnh L.

- 01 (một) phong bì niêm phong số: 446/2024-PC09. Mặt trước phong bì ghi: Lê Phạm Minh H - 1997; HKTT: 2/51 tổ E, KP8, P. A, B, Đồng Nai. QĐTC: 1425/QĐ-ĐCSMT; 07/04/2024; Hoàn Mẫu: m = 1,0946 (g). Mặt sau có chữ ký,

họ tên của: Ngô Văn N; Hoàng Thị Thanh H2; Võ Như T đóng dấu niêm phong tròn, đỏ của Phòng K Công an tỉnh L.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/9/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

2.2 Hoàn trả: 01 túi xách màu đen xám cho bị cáo Lê Phạm Minh H. *(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/9/2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).*

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Phạm Minh H phải chịu số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy